

Số: /2024/QĐ-UBND Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Luật Quản lý Thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 01 tháng 7 năm 2024;
Căn cứ Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành biểu mức thuế suất tài nguyên;
Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;
Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, một số điều của các Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.
Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17

tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 496/TTr-STC ngày 18 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

1. Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 của một số loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, gồm:

- a) Khoáng sản kim loại: Phụ lục I
- b) Khoáng sản không kim loại: Phụ lục II
- c) Nước thiên nhiên: Phụ lục III
- d) Tài nguyên khác: Phụ lục IV

đ) Hệ số quy đổi từ sản phẩm tài nguyên ra sản lượng tài nguyên khai thác: Phụ lục số V

2. Các loại tài nguyên khác không có trong Bảng giá quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này thì áp dụng mức giá tối thiểu theo Khung giá tính thuế tài nguyên quy định tại Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau.

3. Giá tính thuế tài nguyên quy định tại Quyết định này là cơ sở để các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện việc đăng ký, kê khai, nộp thuế tài nguyên và là cơ sở để cơ quan thuế tính toán, xác định mức thu, quản lý thu thuế tài nguyên năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thành phố và đơn vị liên quan có trách nhiệm theo dõi giá bán các loại tài nguyên trên thị trường. Trường hợp giá bán của loại tài nguyên có biến động tăng hoặc giảm từ 20% trở lên hoặc trường hợp phát sinh loại tài nguyên mới chưa được quy định trong Khung giá tính thuế tài nguyên thì cơ quan, đơn vị gửi đề xuất đến Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh thực hiện theo quy định.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Cục Thuế tỉnh; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính Phủ;
 - Website Chính Phủ;
 - Bộ Tài chính; Bộ TN&MT;
 - Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Các CPVP UBND tỉnh;
 - Như Điều 3;
 - Báo VP; Đài PTTH tỉnh, Công báo tỉnh;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - CV NCTH;
 - Lưu: VT.
- (Ng- b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Thị Kim Nga

